

SỐ ĐẶC BIỆT TƯỞNG NIỆM

30/04

1975-2019

Tình yêu
... như thiếu phụ
... tìm mộ bia
... trên chiến trường



Tập san

Số 56

Biệt Động Quân

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG HỘI B.Đ.Q.

Tạp San

BIỆT ĐỘNG QUÂN

Số (56) Tháng 4/2019



CHÂN THÀNH CẢM TẠ

Các Niên Trưởng, Chiến Hữu, Thân Hữu,

Các Cộng Tác Viên

Các Mạnh thường Quân,

Đã đóng góp bài vở, tài chánh

Để Thực Hiện

TẠP SAN

BIỆT ĐỘNG QUÂN SỐ 56

QUY ĐỊNH CỦA TẬP SAN BÐQ

Tập San là cơ quan ngôn luận của Tổng Hội, là môi dây liên lạc của các BÐQ toàn thế giới, là nơi đóng góp, chia sẻ những kinh nghiệm, kỷ niệm vui buồn, xưa và nay, của các BÐQ và gia đình, các chiến hữu, thân hữu, các độc giả, các cháu hậu duệ. BBT mong muốn nhận bài vở của quý độc giả thuộc các thành phần, theo mọi thể loại. Tuy nhiên khi chọn đăng, sẽ áp dụng một số quy định sau:

1. Tuyệt đối không có tính cách tuyên truyền, cổ vũ hay ca tụng Chủ Nghĩa Cộng Sản, hay con người Cộng Sản.
2. Không đả kích hay bôi nhọ, bới móc đời tư của bất cứ ai, trong bất cứ giai đoạn nào. Trường hợp phải đề cập đến cá nhân, xin khách quan, tôn trọng sự thật.
3. Bài viết gửi cho Tòa soạn, quý vị nên dùng Email Attachment, hoặc burn vào CD, gửi theo Buu điện (có thể dùng VNI, VPS, hoặc Unicode). Nếu viết tay, xin viết một mặt giấy, rõ ràng, đừng tháu quá.
4. Chúng tôi tùy nghi chọn đăng những bài nhận được, và xin phép cắt bỏ, sửa chữa những đoạn, hay chữ nào không hợp với chủ trương, đường lối của Tập San, miễn là không làm lệch lạc nội dung của bài viết.
5. Khi gửi bài, ngoài bút hiệu, xin ghi rõ tên thật, địa chỉ email, số điện thoại, để tiện liên lạc. Chúng tôi không gửi lại các bản thảo đã gửi cho Tập San.
6. Xin đừng gửi cho các báo khác các bài đã gửi cho Tập San, và ngược lại.

TỔNG HỘI BIỆT ĐỘNG QUÂN QLVNCH
TẬP SAN BIỆT ĐỘNG QUÂN
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG HỘI B.Đ.Q.
Tổng Hội Trưởng: BÐQ NGUYỄN MINH CHÁNH

Email: chanh.k16@netzero.com

Chủ Nhiệm: TRẦN TIẾN SAN
Chủ Bút: TRẦN NGUYỄN CÔNG
Tổng Thư Ký: NGUYỄN THẾ ĐÌNH
Thủ Quỹ: BÙI QUANG LÂM

ĐỊA CHỈ TÒA SOẠN
10200 Bolsa Ave Sp #101
Westminster, CA 92683

Trần Tiến San: 714-839.9601
Nguyễn Thế Đình: 714-379.0873
Trần Nguyễn Công: 703-323.0598

EMAIL TÒA SOẠN

santrank19@att.net

Website Tổng Hội: www.bietdongquan.org

Email Group BÐQ: bietdongquan@yahoo.com



CHIÊU NIỆM TỬ SĨ

Gom ánh sao trời đêm mặc niệm
Nén hương thấp muộn cuối trời xa
Nâng chén thiên thu mời Tử Sĩ
Truy điệu anh linh chốn quê nhà

Vi Hạ

MỤC LỤC

Danh Mục	Tác Giả	Trang
1- Phần Đầu	Ban Biên Tập	1
2- Mục Lục		5
3-Thư Tổng Hội	Nguyễn Minh Chánh	7
4-Thư Mời	Đại Hội BDQ 2019	9
5-Vĩnh Biệt Sài Gòn	TĐT	13
6-Tháng Tư Nhớ Bạn	Phạm Tín An Ninh	21
7-Thuận An. Điểm Hẹn...	Doro	41
8-Nhớ Về Ngày	Minh Thủy	52
9-Chuyện Tháng Tư	Hoàng Đức	63
10-Đời Linh	BDQ Nguyễn Qua	71
11- Chuyện Cũ Còn Nhớ	Nguyễn Hoàng Dân	85
12- Quê Hương	Thiên Lý	91
13- Mụ Bán Mắm	Forget Me Not Đà Lạt	97
14- Trái Đất Tròn Phải	Luong Mỹ Trang	101
15- Ngày Trở Về	Phạm Gia Đại	105
16- Chuỗi Ngày	Nguyễn Trãi	113
17- Còn Một chút Gì	CaptoVan	125
18-Sơ Lược TTHL/BDQ	Đỗ Như Quyên	137
19-Vườn Thơ		171
Biển Rộng	Đặng Tiến Đạt	172
Biết Động	Nguyễn Vĩnh Thăng	173
Vì Đâu	TĐT	175
Đừng Quên Em Nhé	Phạm Kim Khôi	176
Hạnh Phúc Xa Xăm	Tình Hoài Hương	177

Phàm Phu	letamanh	178
Vết Thương	letamanh	179
Thương Anh	đông hương	180
20- Mùa Xuân,	Letamanh	181
21- Phá Vỡ Công Tác	Phan Tấn Nguru	185
22-Hai Trăm Năm	Đỗ Như Quyên	195
23- Missouri Compromise	Nguyễn Chánh Dật	217
24- Một Bác Sĩ BÐQ	Letamanh	224
25- Đêm Trắng	kimthanh	231
26- Dưới Tàng	Nhất Phương	241
27- Nguyễn Trãi	Tình Hoài Hương	247
28- Nước Mắt Đỗ Quyên	đông hương	261
29- Anh Bạn Láng Giềng	Hoàng Đức	269
30- Chuyện Bất Ngờ.....	TiênSha-Lê Luyến	277
31- Lối Xưa Tìm Về	Trang Luân	291
32- Hiến Chương	Hậu Dụê VNCH Hải Ngoại	315
33- Giới Thiệu Sách	Ban Biên tập	321
34- Huynh Đệ Chi Binh	Nguyễn Minh Chánh	323
35- Thân Hữu Yểm Trợ	Trần Tiễn San	328
36- BÐQ Yểm Trợ		335
37- Báo Cáo Chi Thu	Trần Tiễn San	341
38- Thư Tín	Ban Biên Tập	343
39- Phân Ưu		345
40- Quảng Cáo		350

Hình Bìa:

Tác Phẩm Tìm Nhau

(Nhiếp ảnh gia Chung Đỗ)

THƯ TỔNG HỘI

Kính thưa quý niên trưởng, chiến hữu,

Kính thưa quý độc giả,

Mùa Xuân vừa đi qua, Xuân Kỷ Hợi 2019, đánh dấu 49 năm chúng ta lìa bỏ quê hương kể từ ngày cộng sản cưỡng chiếm miền Nam Việt Nam, ngày 30 tháng 4 năm 1975. Cho đến nay dù đã hơn 4 thập niên, đất nước Việt Nam vẫn chưa có được sự phồn vinh và Tự Do Dân Chủ. Việt Nam vẫn là quốc gia chậm tiến, kém phát triển so với các quốc gia trong vùng. Nạn tham ô của nhóm độc tài đảng trị đã tạo ra nhiều tệ nạn xã hội, mức sống người dân ngày càng xuống thấp, chưa bao giờ sự chênh lệch giàu nghèo của nhóm cầm quyền và người dân lại cách biệt rõ rệt như ngày nay. Cộng Sản Hà Nội luôn hô hào và tô điểm hình ảnh về tự do dân chủ và phát triển kinh tế bằng những phô trương tại các thành phố trung tâm, ngược lại các vùng nông thôn, các vùng cao nguyên thì người dân vẫn đói nghèo, tìm được cái ăn thật vô cùng cam go. Trong khi đó các “tư bản đỏ” đã cấu kết cùng nhau tham nhũng, buôn dân bán nước, chia nhau bổng lộc trở nên giàu có, sống xa hoa phù phiếm. Chính vì thế lập trường của Biệt Động Quân là lý tưởng Quốc Gia Dân Tộc, giữ vững làn ranh Quốc-Cộng, phải tiếp tục cuộc đấu tranh đòi hỏi Tự Do Dân Chủ cho Việt Nam.

Để đạt thắng lợi trong mục tiêu đòi hỏi Tự Do, Dân Chủ cho quê hương, chúng ta cần phải:

-Tích cực hợp tác cùng cộng đồng tỵ nạn và các tổ chức chống cộng sản.

-Yểm trợ thể hệ hậu duệ nối bước cha anh-giải thích và hướng dẫn để họ hiểu được tại sao chúng ta phải tiếp tục chống chủ nghĩa Cộng Sản phi nhân.

-Dùng sức mạnh của lá phiếu đòi hỏi đại diện dân cử địa phương đạt nguyện vọng lên chính quyền trung ương, gây áp lực đòi cộng sản Hà Nội phải thay đổi đường lối cai trị.

-Cuộc đấu tranh còn dài và khó khăn, đòi hỏi sự sáng suốt, kiên nhẫn và cảnh giác đối với âm mưu gây chia rẽ, mất đoàn kết của bọn “đón gió trở cò”.

Hy vọng một ngày không xa, với cao trào đòi Tự Do-Dân Chủ của nhân dân, đặc biệt là của giới trẻ tại quốc nội, Việt Nam sẽ sớm được Tự Do-Dân Chủ.

ĐẠI HỘI KỶ NIỆM 59 NĂM NGÀY THÀNH LẬP BINH CHỮNG BIỆT ĐỘNG QUÂN (1960-2019)

Đại Hội là một sinh hoạt quan trọng của binh chủng. Thời điểm này là lúc đại gia đình BĐQ khắp nơi trên thế giới sẽ được cùng nhau hội ngộ. Chúng ta gặp nhau để biết ai còn ai mất, cùng nhau ôn lại bao kỷ niệm buồn vui tại chiến trường, bao nỗi nhọc nhằn, gian lao khổ nhục nơi chốn lao tù cộng sản. Quan trọng hơn cả là cùng nhau bàn luận, đóng góp ý kiến, đề ra đường lối sinh hoạt tương lai cho Tổng Hội trong mục tiêu đấu tranh đòi Tự Do-Dân Chủ cho quê hương và phương cách yểm trợ được nhiều hơn cho các chiến hữu thương binh và gia đình tại Việt Nam.

Đại Hội năm nay sẽ được tổ chức trong 3 ngày 19, 20 và 21 tháng 7 năm 2019 tại Dallas-Fortworth tiểu bang Texas.

Mong quý niên trưởng, chiến hữu và gia đình chuẩn bị từ bây giờ phương tiện, giờ giấc để kịp có mặt trong 3 ngày Đại Hội. Sự hiện diện đông đủ của chúng ta là yếu tố giúp Đại Hội thành công.

Mọi chi tiết về chương trình Đại Hội đã được thông báo trong tập San BĐQ này. Chúng ta đã sẵn sàng và chắc chắn sẽ gặp tại Dallas, Texas vào 3 ngày Đại Hội: 19, 20 và 21 tháng 7 năm 2019.

Trân trọng kính chào.
TM. Tổng Hội Biệt Động Quân
Tổng Hội Trưởng



BĐQ Nguyễn Minh Chánh

THƯ MỜI

ĐẠI HỘI BIỆT ĐỘNG QUÂN

Hội BDQ Dallas Fort-Worth và Vùng Phụ Cận
trân trọng thông báo và kính mời:
Quý Niên Trưởng, Chiến Hữu BDQ
và các cháu hậu duệ

Tham dự Đại Hội kỷ niệm 59 năm ngày thành lập
binh chủng Biệt Động Quân được tổ chức tại DALLAS
FORT -WORTH tiểu bang TEXAS vào các ngày
19, 20 và 21 tháng 7 năm 2019.

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

1-Chiều ngày thứ sáu 19 tháng 7 năm 2019:

Chiều sơ ngộ chào mừng quý chiến hữu về tham dự
Đại Hội.

Địa điểm: Khách Sạn LA QUINTA
825 N. Watson Rd.
Arlington, TX 76011

Thời gian: từ 4 giờ chiều đến 8 giờ 30 tối.

Tiệc sơ ngộ do phu nhân Hội Trưởng cùng quý phu
nhân BDQ tại địa phương chiêu đãi.

2-Thứ bảy ngày 20 tháng 7 năm 2019:

A-Sáng thứ bảy từ 8g30 đến 10 giờ

Lễ Chào cờ, Truy Diệu tại Tượng Đài Chiến Sĩ
Việt Mỹ. 3600 W. Arkansas Ln, Arlington, TX 76010

B-Chiều thứ bảy từ 4g30 đến 8g30 Tiền Hội Ngộ
do Hội BDQ Dallas chiêu đãi tại:

Gathering Hall
2615 W. Pioneer Pkwy
Grand Prairie, TX 75051

3-Ngày chủ nhật 21 tháng 7 năm 2019:

A-Sáng chủ nhật 21 tháng 7 năm 2019

BDQ Họp Đại Hội

Địa điểm: Gathering Hall

2615 W. Pioneer Pkwy

Grand Prairie, TX 75051

Thời gian: từ 8 giờ 30 sáng đến 2 giờ trưa
(Thức ăn trưa \$10.00 cho 1 thành viên)

B-Chiều chủ nhật

Dạ tiệc tại nhà hàng Thanh Thanh

Từ 5 giờ chiều đến 11 giờ đêm

Địa điểm: 2515 E. Arkansas Ln.# 150

Arlington, TX 76010

(Chi phí dạ tiệc \$40.00 cho 1 thành viên)

ĐƯA ĐÓN VÀ CƯ NGỰ

Để tiện cho Ban Tổ Chức trong việc đưa đón, xin đề nghị:

Phi trường: Dallas Forth-Worth (Airport code: DFW)

Xin thông báo cho BTC lịch trình các chuyến bay ĐẾN/ĐI và hãng máy bay trước ngày 01 tháng 7 năm 2019 để BTC sắp xếp việc đưa đón.

Vấn đề đưa đón xin liên lạc với:

- ROSE TRẦN : 214-606-3638

- BILLY ĐINH : 469-742-1690

Hướng dẫn: Sau khi ra khỏi máy bay, xin quý chiến hữu đi đến và chờ đợi tại

LOW LEVEL GATE: E1-10.

Có người của BTC và xe bus của khách sạn LA QUINTA sẽ đón quý vị về khách sạn.

Nếu quý vị tham dự Đại Hội bằng phương tiện tự túc cũng xin ghi danh với BTC để chúng tôi tổng kết số người tham dự và tiếp đón.

Xin ghi danh trước ngày 1-7-2019.

Khách sạn:

LA QUINTA 825 N. Watson Rd.

Arlington, TX 76011

[Tel:817-640-4142](tel:817-640-4142)

Giá mỗi phòng là: 105\$ loại phòng 1 hoặc 2 king bed bao gồm bữa ăn sáng.

Xin liên lạc trực tiếp để đặt phòng trước ngày 1-7-2019 để hưởng giá discount 105\$.

Tel: 1-866-527-1498

Group discount: Members of the BDQ Ranger Conference.

Reservation number 06925498

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI BDQ lần thứ 59

DALLAS FORT-WORTH

Trưởng ban tổ chức kính mời

BDQ TRẦN THÁI

LIÊN LẠC:

-BDQ Trần Thái: 214-991-7057

-BDQ Nguyễn Quan: 469-733-8674

-Rose Trần: 214-606-3638



BDQ 2011



BDQ 2014



BDQ 2012



Những hình ảnh kỷ niệm
các ngày hội BDQ ở Mỹ

BDQ 2015



BDQ 2018



Vinh Biệt Sài Gòn

Ước gì...!

*Ước gì ánh Thái Dương soi,
Để cho nước Việt sáng ngời muôn năm.
Thế nhưng thế cuộc xoay vần,
30 tháng tư ấy, thặng bản thành Ông.*

Để rồi,

*Bao nhiêu máu đỏ, thịt rơi...!!!
Đã tuôn nhuộm đỏ khắp nơi thôn làng...
Miền Nam đau đón ngõ ngàng!
Khi bọn cán ngố làm quan, làm thầy,
Tác oai, tác quái chúng gây,
Gây bao ngang trái đọa đày cho dân...!!!*

TĐT

Những cơn gió lạnh buốt của mùa xuân năm nay khiến Thanh Thảo rùng mình dù đã mặc áo ấm đầy đủ cùng chiếc khăn choàng cổ, món quà cô con gái rượu đã tặng cô trong một dịp lễ Mother's day mà ít khi được cô dùng đến vì cô rất trân quý nó. Mãi mê với công việc, cô quên cả thời

gian. Nhìn đồng hồ đã gần hai giờ chiều, Thảo nhẹ thở dài, đóng chiếc laptop rồi đẩy ghế đứng lên, soãi tay, vươn vai làm vài động tác cho thư giãn gân cốt trước khi xuống phố kiếm một món ăn nhẹ để dùng vì từ sáng đến giờ cô chỉ uống một ly cà phê do chồng làm vào mỗi sáng. Công việc đã khiến Cô vô cùng bận rộn, vừa phải giải quyết những vấn đề bé tắc, vừa phải đương đầu với những người cộng sự từ các ngành nghề trong mọi lãnh vực. Việc cô đang làm tuy đầy khó khăn, nhiều áp lực nhưng vẫn có thể giải quyết được; ngược lại, giao dịch với tất cả các hạng người trong xã hội không phải là điều đơn giản do tâm lý của con người rất phức tạp, vì thế đã gây cho tinh thần của Thảo khá nhiều mệt mỏi.

Với tay lấy chiếc áo khoác, cô chậm rãi bước vào thang máy để xuống đường.

Đại lộ Hollywood vào buổi xế trưa khá nhộn nhịp. Dân bản xứ lẫn khách du lịch nườm nượp đi dạo đây trên các lề đường. Từng lớp người xếp hàng thật đông đúc ở trong các cửa tiệm. Dòng xe cộ như mắc cửi khiến Thảo liên tưởng đến cảnh phồn hoa đô hội của Sài Gòn một thuở nào, rồi cùng lúc tim cô dâng lên một nỗi buồn đầy chua xót khi nhớ đến cảnh cô cùng các bạn bè, đã từng dạo phố trên những lề đường ngang qua các nhà hàng dọc theo các đại lộ Lê Lợi, Nguyễn Huệ, đường Tự Do của Sài Gòn năm xưa.

Sài Gòn, cái tên của một thành phố nổi danh là “Hòn Ngọc Viễn Đông” đã thật sự vĩnh viễn không còn; đã thật sự mất sau cái ngày 30 tháng tư của 1975. Cái ngày đại tang của toàn thể quân dân cán chính của VNCH, của toàn thể người dân miền Nam Việt Nam.

Cái ngày mà tất cả những người Việt đang sống tha hương hoặc những ai đã từng sống ở Nam VN trước năm 1975, mỗi khi nghĩ đến sẽ phải nhớ mãi hình ảnh, sẽ phải chạnh lòng và sẽ vô cùng ngậm ngùi cho đến khi họ thở hơi thở cuối cùng.

Phải rồi, làm sao có thể quên được cái ngày khốn khổ

ấy và cứ thế tâm tư Thảo lại trĩu nặng mỗi u hoài, uất ức khó tả... Phải, cái ngày ấy của năm xưa lại hiện về rất rõ nét trong tâm trí Thảo. Làm sao cô quên được giây phút kinh hoàng của ngày 30 tháng Tư 44 năm về trước khi vị tổng thống lâm thời Dương Văn Minh ra lệnh cho quân đội VNCH phải buông súng để đầu hàng bọn CS Bắc Việt.

Thảo nhớ rõ như in nổi đau đớn đến tận cùng hiện lên trên đôi mắt thất thần, đầy kinh hãi của Mẹ Thảo, của những người thân trong gia đình. Ông Ngoại gần như bất động. Ông ngồi cả ngày trên chiếc ghế bành và từ chối ăn uống. Trên gương mặt cương nghị, đầy phúc hậu của ông lộ rõ nét thất vọng đến cùng cực. Hai người con rể yêu quý của ông đã đền nợ nước. Các con trai, con rể của ông cũng là những vị sĩ quan của Quân Lực VNCH đang phục vụ trong quân đội để giữ gìn nền an ninh của Tổ quốc. Thế thì tại sao lại có thể xảy ra chuyện dâng đất nước cho giặc một cách dễ dàng đến vô lý như vậy được?

Tuy biết rằng tình hình chiến cuộc của miền Nam đang đi dần vào ngõ bế tắc qua tin tức từ các đài phát thanh, truyền hình loan báo. Mỗi ngày Ông Ngoại vẫn ngồi trầm ngâm để theo dõi tin tức thời sự, các diễn biến của thời cuộc từng giây, từng phút; nhưng trong tâm tư không phải chỉ riêng ông mà là của rất nhiều người đã nuôi một niềm hy vọng rất mong manh rằng sẽ có một cuộc hòa đàm để thương thuyết và giải quyết một cách tốt



Sài Gòn Di Tàn

đẹp cho cả đôi bên.

Vì vậy khi nghe tin sét đánh này, Ông Ngoại của Thảo đã tỉnh khẩu cả tuần. Cậu ruột của Thảo thì tuy có trấn tĩnh tinh thần mọi thành viên trong gia đình, nhưng qua ánh mắt buồn vơi vơi của cậu, Thảo biết rằng lòng Cậu đang rối bời, đang bị hụt hẫng, đang chất đầy sự căm phẫn, cay đắng khi bị buộc phải buông súng để đầu hàng giặc.

Còn nữa, khi Thảo bước sang nhà hàng xóm để nghe ngóng tin tức, cô cũng đã nhìn thấy sự uất hận, đầy nét lo sợ, hoang mang trên gương mặt những người vợ của các vị sĩ quan. Họ đang trông ngóng tin tức. Chồng họ đang còn kẹt lại trong đơn vị hay cũng có thể đã bị bắt giữ bởi bọn VC hoặc đã đền xong nợ nước.

Rồi chỉ trong vòng vài giờ đồng hồ, chiếc cờ vàng ba sọc đỏ thân yêu bị bọn CS khát máu kéo xuống, đốt cháy và bị thay thế bởi ngọn cờ đỏ sặc máu của chúng. Thảo nhớ tất cả mọi người và cô đều bung mặt khóc nức nở rất thảm thương, lòng thì quặn đau, cổ nghe như đang bị ai đó bóp nghẹt.

Tiếp theo đó từng đoàn xe tăng của bọn CS Bắc Việt ngang nhiên tiến vào thành phố, tiên thẳng vào Dinh Độc Lập.... Nỗi buồn đau đầy vị đắng không nuốt nổi đến lịm người đã xảy ra cho tất cả toàn dân miền Nam mà có lẽ không có giấy bút nào có thể diễn đạt được tâm trạng của họ lúc ấy. Ôi còn nỗi đau, nỗi nhục nào hơn là sự nhục nhã của kẻ bị áp lực buộc họ phải bại trận!

Cũng trong ngày hôm đó và những tháng ngày kế tiếp, đường Tự Do với những hàng cây xanh biếc, đường Lê Lợi, đường Hồng Thập Tự, đường Nguyễn Huệ, Pasteur, Lê Văn Duyệt, hình ảnh trai thanh gái lịch, tay trong tay, vai sánh vai dạo phố phường đã hoàn toàn biến mất; những tà áo dài trắng của những cô nữ sinh đạp xe nghiêng bóng qua ánh nắng chiều cũng không còn mà thay vào đó là đầu đầu cũng đầy đầy những tên cán ngố, đầu đội mũ tai bèo, chân đi dép râu, hợm hĩnh đến tội nghiệp.

Thế nhưng chúng lại không thấy được cái ngáo ngố, cốt đột nửa người, nửa khỉ của chúng. Trái lại chúng huênh

hoang, khoác lác hù dọa thiên hạ. Chúng bày đủ trò để áp đảo tinh thần của người dân vô tội. Chúng trắng trợn cướp cạn tài sản của người dân tỉnh bơ như người “Hà Lộ”.

Chúng bẻ khóa để tự tiện dọn vào những căn nhà gia chủ đã bỏ nước ra đi. Oái oăm hơn nữa là chúng lại thao thao bất tuyệt bắt nạt, xua đuổi, hô hào dân phải tình nguyện đi kinh tế mới để chúng tiện việc cướp nhà một cách hợp lý, nhưng rất vô lý. Miệng lưỡi chả khác gì những con vẹt thiếu não với một giọng Bắc chưa ai đã từng nghe với âm điệu của dân ruộng không có lúa, dân rừng nhưng không cây. Rồi thì chúng bày trò lao động thủy lợi để viện lý do mà kiếm điểm, phê bình dân chúng nếu họ không đạt được chỉ tiêu chúng đã đề xướng và lẽ đương nhiên là hầu như đa số dân chúng thành phố đã không lao động tốt vì xưa nay họ đâu phải là thứ dân cày sâu cuốc bẫm...

Thêm vào đó người Sài Gòn lại phải bị nghe những từ ngữ rỗng tuếch, vô nghĩa, vô cùng quái dị của chúng. Thí dụ như cà phê phin thì bị chúng gọi là cái nồi ngồi trên cái cốc, radio thì bị đổi tên là cái đài, đi đâu suốt đêm thì bị nói là đi suốt. Cách dùng chữ của chúng nghe rất chói tai vì chúng tự động bỏ chữ một cách mọi rợ và chuyện cần được giải quyết thì cũng bị đổi thành xử lý, bất cứ làm việc gì cũng bị nói là khẩn trương dù đó là việc đại tiện hay tiểu tiện v.v....

Thế rồi, tuy miệng chúng rao rét là đảng và cách mạng sẽ và đang bảo vệ dân để tiên nhanh, tiến mạnh lên xã hội chủ nghĩa, nhưng chỉ trong vòng vài tháng sau ngày dân miền Nam bị giặc cộng nô “giải phóng”, đã có không biết bao nhiêu gia đình vô tội phải chịu cảnh chia ly, dọa dẫm khi chồng, cha, con, anh, em của họ bị bọn CS khát máu ép buộc vào những trại tù không lồ, những địa ngục của trần gian mà chúng xảo trá, quỷ quyết lừa dối dưới cái mỹ từ trại tù cải tạo để học tập điều lệ và thâm nhuần tư tưởng CS, ngõ hầu phục vụ đất nước trong tương lai.

Phục vụ cho tương lai đâu thì cho đến bây giờ không ai có thể thấy được, chỉ thấy rằng từ khi miền Nam bị đưa lên

bàn cờ chính trị của ngoại bang, một cuộc trao đổi giữa hai cường quốc, Hoa Kỳ và TC nên họ đã bắt tay nhau để dâng miền Nam cho chúng xơi tái và cũng từ ngày đó, CSBV đã đưa đất nước VN thụt lùi thay vì tiến lên. Chúng lại không hiểu rõ niềm đau của một dân tộc bị lừa đảo bởi ngoại bang; không thấy được số phận một nước nhược tiểu, lại ngu ngốc vênh váo, vỗ ngực cho mình là kẻ thắng cuộc, lạm dụng quyền lực để hành hạ người dân cùng một giống nòi với chúng.

Bằng chứng là lúc xưa nước Cam Bốt đã nhìn miền Nam của chúng ta với đôi mắt đầy ngưỡng mộ, vậy mà hôm nay, CS đã khiến cho chúng ta đứng sau cả Cam Bốt.

Hành động bỏ đói, hành hạ và cố tình tiêu diệt những cựu chiến binh của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã là một trong nhiều điều minh chứng cho sự man rợ, tàn độc của bọn CSBV. Việc dùng một hệ thống công an để đánh đập, đàn áp và bịt miệng dân lành với hy vọng sẽ ngu cách hóa người dân khiến dân nhụt chí đấu tranh. Chúng kiểm soát gắt gao và hạn chế nhu yếu phẩm để biến người dân thành một công cụ trong guồng máy điều hành của chúng vì ai cũng biết rằng cái khó sẽ bó cái khôn và bao tử sẽ điều khiển lý trí con người. Điều này chứng minh hùng hồn cho sự ngu xuẩn đến đần độn của tập đoàn đảng trị CS khi chúng đã mưu toan giết hại biết bao nhân tài của chính đất nước mình.

Đau đớn hơn là kể từ cái ngày khốn khổ ấy, miền Nam vẫn còn là một trại tù khổng lồ. Nhân quyền bị chà đạp, công lý, tự do hoàn toàn không có, người dân sống trong cảnh áp bức, kềm kẹp dưới sự thống trị của một bọn đầu người, lòng thú, và trong quãng thời gian qua, đã có không biết bao nhiêu gia đình phải bỏ mạng trên tuyến đường đi tìm tự do, bất chấp bao hiểm nguy đang chờ đợi họ trong những chuyến vượt biển. Biết hiểm nguy nhưng họ vẫn cứ đi vì họ thà chết chứ không thể sống dưới chế độ đàn áp dã man của bọn VC. Sự mất mát quá lớn lao cùng nỗi oan khiên của người dân miền Nam có Trời cao nào hiểu thấu hay sẽ

chia? Chỉ có chăng là người thân khóc cho người thân hay khóc cho chính thân phận của họ.

Sau gần nửa thế kỷ, nước Việt Nam đang bị bọn Cộng nô bán từng mảnh, từng tấc, từng thước hay cả vùng đất cho bọn giặc Tàu. Một ngàn năm nô lệ lũ chệt trong quá khứ vẫn không thể nào mở mắt soi sáng bộ não thiếu chất xám của lũ CS dốt nát.

Đang đắm chìm trong những chuyện buồn của quá khứ, của hiện tại, Thảo bỗng giật mình khi nhận thức mình đã đi quá xa. Thảo không còn cảm thấy đói mà



Nhà Thờ Đức Bà Tại Sài Gòn

chỉ nghe cổ họng mình đang khô nghẹn, cô ghé vào tiệm Starbucks để mua ly nước uống rồi lặng lẽ tiếp tục lê bước trở về văn phòng.

Thảo mất hết hứng thú để tiếp tục công việc đang dang dở. Tim cô nhức buốt vì niềm đau mất nước đang bị chôn tận đáy lòng chọt bùng bùng dâng lên, dâng lên khiến Cô cảm thấy ngột thở, nổi chua chát như muối xát vào lòng làm cảm xúc cô bị khuấy động, thách thức và nhấn chìm cô trong một cảm giác buồn bã vô bờ...

Thảo bâng khuâng tự hỏi chính mình dù vẫn biết rằng câu trả lời sẽ là một cái đáp số không có. Biết khi nào thành phố Sài Gòn sẽ không còn phải đeo nặng trên mình một cái tên của một kẻ bán nước đã chết. Hồ chí minh là một tên đạo tặc bán nước. Thật mỉa mai cho cái tên cúng cơm của hẳn ta, Nguyễn **Ái quốc**. Yêu nước ư? Hẳn mà yêu thương gì Tổ Quốc? Hẳn chỉ là tên **uất cái**, nghĩa là giao tiếp với cán bộ hộ lý thì chỉ khiến cho các chị bị uất tiết mà thôi.

Tiếc thay người hùng Phạm Phú Quốc, một anh hùng đã gầy cánh đại bàng trên tuyến đường bảo vệ Tổ Quốc, người đã thật sự hy sinh cho Tổ Quốc thì tên Anh lại không được dùng đến để dân Việt Nam khỏi bị nhục nhã như cái tên của ông già hồ ly tặc với bộ râu nham nhở như bộ mặt của một tên quỷ râu xanh.

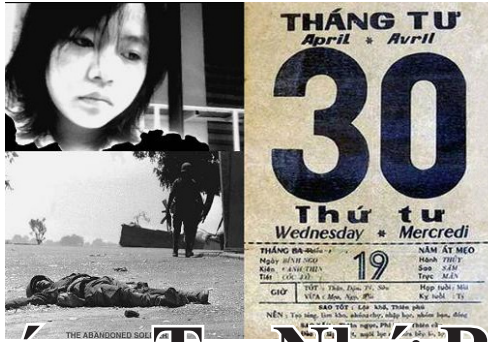
Thảo buồn thân thờ đến bản thân vì niềm đau khiến cô cảm thấy mình bất lực. Phải chăng thời gian đã làm phai tàn hết bao nhiêu mơ ước không những của riêng cô, mà của rất nhiều người dân Việt xa xứ vì thời gian đã tàn phá và làm suy yếu cơ thể cùng tinh thần, trí não của họ?

Biết làm sao đây để tìm lại được cái tên Sài Gòn của một thành phố đầy hoa lệ của thuở nào? Của những ngày vui xưa? Thảo có cảm tưởng như mình đang bị ố m tương tư, cô thương nhớ quê hương nhỏ bé, nghèo khổ, một mảnh đất mà nơi đó đã ố m trọn hình hài, xương cốt của những người cô thương yêu, trong đó có các ông bà tổ tiên của hai bên Nội Ngoại và có cả người Cha thân yêu cô luôn thương nhớ, luôn ố m ấp và thân tượng ông trong tâm khảm.

Ước gì...!

Cầu mong làn gió đưa duyên,
Giúp người xa xứ ngược thuyền thời gian?
Dẫu cho ở tuổi muộn màng,
Có dịp trở lại quê làng, chôn xưa.
Nỗi đau vẫn mãi đong đưa,
Trong tim của kẻ già nua ngậm ngùi.
Xót xa thui thui vào ra,
Đôi mắt tìm mãi cây đa năm nào!
Tâm hồn chợt thấy đảo chao,
Quê hương xa tận phương nào người ơi!
Mắt mờ giọt lệ chợt rơi,
Nửa vòng trái đất vội vời nhớ thương....

Feb/2019



Tháng Tư Nhớ Bạn

Phạm Tín An Ninh

Trước những ngày Tháng Tư buồn, tôi lại nhận thêm một tin buồn: Đồng môn Võ Văn Khoa vừa vĩnh viễn ra đi. Với tôi, anh Khoa không những là bạn cùng Khóa 18 Thủ Đức mà sau này, vì gốc giáo chức, nên theo nhu cầu của Bộ Quốc Gia Giáo Dục, anh được biệt phái về dạy ở trường Võ Tánh Nha Trang, ngôi trường trung học nổi tiếng ở quê tôi mà trước kia tôi đã từng theo học. Do đó chúng tôi nặng thêm mối thâm tình.

Ngay từ những ngày còn trẻ, anh đã nghiên cứu, tu tập và viết nhiều sách về Thiền Học, cả tiếng Anh lẫn tiếng Việt. Anh sống thanh đạm, chân thành, đạo hạnh, luôn hết lòng giúp đỡ tha nhân. Sau khi sang Mỹ một thời gian, anh trút bỏ mọi phiền não thế gian, xuất gia đi tu, trở thành Thiền Sư Di Như nổi tiếng của một Thiền Viện ở Las Vegas, do chính anh sáng lập và giảng dạy. Nhờ vào trình độ và đức độ, anh đã quy tụ đông đảo môn đệ. Vì vậy trên trang cáo phó được viết: “*Sư Thầy Di Như Võ Văn Khoa viên tịch.*”

Tuy biệt phái về làm nghề dạy học, nhưng trong hồ sơ lý lịch, anh vẫn còn mang cấp bậc đại úy và phục vụ nhiều năm trong ngành Chiến Tranh Chính Trị, từng đóng góp cho việc hình thành và giảng dạy cho Trường Đại Học CTCT

Đà Lạt, nên sau khi Cộng Sản chiếm Nha Trang, đầu tháng 4/75, anh bị tù đầy nhiều năm. Ra tù, anh trở về Nha Trang, làm nghề sửa xe đạp ở một góc đường, ngay phía sau ngôi trường cũ mà anh từng dạy học. Thời buổi ấy gần như gia tài mỗi người chỉ còn mỗi chiếc xe đạp. Cùng cảnh thất cơ lỡ vận, nên anh thường nhắc các cựu giáo chức đồng nghiệp và học sinh của mình, khi nào xe bị hư, cứ mang đến để anh sửa miễn phí.

Tang lễ được tăng đoàn tổ chức rất trang trọng tại Peek Funeral Home, Westminster, California. Số người đến viếng và tiễn đưa anh khá đông. Ngoài một số giáo chức đồng nghiệp, những cựu đồng môn Khóa 18 Thủ Đức, số đông đảo còn lại là những đồng đạo của anh. Chúng tôi được sự đón tiếp nồng hậu của gia đình và đặc biệt của tăng đoàn, mà hầu hết là những học trò, môn đệ của anh.

Nhìn cung cách của họ, chúng tôi hiểu được lòng tôn kính và hết mực tiếc thương mà họ dành cho vị Sư Thầy của mình.

Cùng với những đồng môn Khóa 18 Thủ Đức, đứng trước linh cữu, đưa tay lên chào vĩnh biệt anh, bỗng tôi thấy lòng mình chùng xuống, băng khuâng. Cả buổi trưa hôm ấy, tôi mênh mang nhớ tới bạn bè, đồng môn, đồng đội cũ. Hình dung từng khuôn mặt của những thằng bạn thân thiết đã hy sinh trên các chiến trường, hay chết đau đớn tức tưởi trong các trại tù, và một số đồng đã phải bỏ quê ra đi, đang sống lạng lã đâu đó trên xứ người, mỗi người mỗi cảnh, nhưng có cùng một nỗi đau chung, khi giấc mơ trở về lại trên quê hương ngày một héo hắt, mỗi mòn. Có thằng đã tự vẫn.

Ký ức bắt đầu đưa tôi trở về ngọn đồi Tăng Nhơn Phú, nơi từng tọa lạc một quân trường nổi tiếng đã có mặt từ những năm đầu thập niên 1950, đào tạo hầu hết những sĩ quan trừ bị, có rất nhiều vị đã trở thành những tướng lãnh lầm liệt một thời, có vị đã tuần tiết vào giờ thứ 25 để giữ tròn tiết tháo: Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Lê Nguyên Vỹ...

Khóa 18 chúng tôi ra trường ngày 18.3.1965 với 1219 tân sĩ quan, vốn xuất thân từ nhiều thành phần khác nhau, và được phân phối về đủ các quân, binh chủng, các ngành chuyên môn, các quân trường, đặc biệt còn được biệt phái về một số cơ quan hành chính, các cấp bộ, nha, sở.

Hôm nay, trong những đồng môn Khóa 18 đến tiễn biệt anh Võ Văn Khoa, tôi được gặp lại một số anh em thân quen, từng phục vụ ở những đơn vị khác nhau như thế. Anh Nguyễn Văn Lân:



Toán Quốc Quân Kỳ
(nguồn Internet)

trước khi nhập ngũ là giáo sư của một Collège Français, ra trường về làm việc ở Bộ Ngoại Giao; bạn Đào Minh Hùng: Thiếu Tá của Liên Đoàn 81 BCND, một đơn vị nổi danh ở các chiến trường đẫm máu nhất; bạn Nguyễn Nhật Minh: Thiếu Tá Trưởng Ty ANQĐ Lâm Đồng; bạn Vũ Ngọc Bích: Thiếu Tá của Cục Mãi Dịch, các anh Nguyễn Ngọc Kỳ, Bùi Trọng Nghĩa, Nguyễn Thế Hùng: CTCT, bạn Lê Trường Xuân: Biệt Động Quân, Nguyễn Thanh Thế, Trần Minh: Bộ Binh, Đỗ Văn Đạt: HCTC, và đặc biệt có bốn người bạn cùng Trung đội 14/Đại đội 4 SVSQ với tôi: anh Nguyễn Xuân Hồng: giảng viên Trường Sinh Ngữ Quân Đội, về sau trở thành Mục Sư Tin Lành và phục vụ tại Nha Tuyên Úy; Phạm Duy Cường: CTCT, Nguyễn Văn Long: Thiết Giáp và Nguyễn Hồng Tâm: SĐ5BB, người trẻ tuổi nhất của Đại Đội 4.

Gặp lại nhau, cũng là dịp để điểm danh, xem ai còn ai mất, cùng ngậm ngùi cho phân số của mỗi người.

Riêng Đại Đội 4 và Trung Đội 14 SVSQ của chúng tôi cũng có nhiều điều đặc biệt khó quên. (Đại Đội 4 là hậu thân của Đại Đội 10 trong giai đoạn 1.) Cán bộ đại đội trưởng là

Trung úy Phan Tấn Mỹ, tốt nghiệp Khóa 13 Võ Bị Đà Lạt, từ binh chủng TQLC chuyển chuyên về Trường, sau khi mãn một khóa học ở Hoa Kỳ. Ông là nhà thơ được nhiều người biết đến dưới bút hiệu Ý Yên (cũng là tên của quê hương ông ở miền Bắc). Ông có cung cách và tâm hồn của một thi sĩ hơn là một ông quan nhà binh. Biết SVSQ nào làm thơ, ông thường gọi lên văn phòng đại đội uống trà bàn chuyện thơ văn. Đi bộ cùng SVSQ ra bãi tập, thỉnh thoảng ông hứng chí đọc lên mấy câu thơ ông vừa nghĩ ra hay sáng tác. Chẳng bao giờ phạt ai và mỗi khi có SVSQ nào bị Quân Cảnh 301 bắt, ông liền chạy đến nhận về.

Trung đội trưởng Trung đội 14 của bọn tôi là Thiếu úy Trần Bá Linh, Khóa 12 Thủ Đức. Ông là bảo đệ của Thiếu tướng Trần Bá Di, rất thẳng thắn, kiệm lời, có thái độ bất cần, chẳng biết “ngán” ai, nên bọn tôi cũng dễ thờ mà cũng có lắm khi hồi hộp, lo âu.



*SVSQ Trường Bộ Binh Thủ Đức
(nguồn Internet)*

Ba tuần trước ngày mãn khóa, một số trong đại đội đã biết mình được bổ nhiệm hay biệt phái về đơn vị, cơ quan nào. Đặc biệt có hai đồng môn đầu tiên nhận lệnh về Trường Võ Bị Đà Lạt làm giáo sư Văn Hóa Vụ. Hai anh lại là bạn đồng nghiệp trước khi nhập ngũ, là giáo sư ở Đại Học Khoa Học và Trung Tâm Bách Khoa Phú Thọ. Nhưng trong cuộc thực tập cuối khóa, hành quân cấp đại đội suốt ba ngày đêm ở một bãi tập bên bờ sông Đồng Nai, khi diễn tập bài đại đội tấn công đêm lên đồi, một trong

hai anh bị một quả đạn (chiếu sáng) súng cối 60 ly không nổ rơi trúng, ghim sâu vào lưng, làm tử thương tại chỗ. Tôi là một trong số những đồng môn được chỉ định về Tổng Y Viên Cộng Hòa, luân phiên đứng gác bên quan tài anh ba ngày trong “Nhà Vĩnh Biệt”, chứng kiến nỗi đau buồn, than khóc thống thiết của gia đình, đặc biệt vị hôn thê của anh, và nghe lời chia buồn, tiễn biệt của đồng nghiệp bạn bè và những sinh viên từng học với anh. Trong các bài điều dưỡng, ai cũng ca ngợi và thương tiếc anh, một vị giáo sư tài ba đức độ. Tôi ngậm ngùi, tiếc cho một người có tài mà yếu mệnh. Và đó là người bạn đồng môn, cùng khóa của tôi đã hy sinh đầu tiên, trước ngày tốt nghiệp. Người còn lại, anh Phùng Văn Bộ, ngay sau khi dự đám tang đưa tiễn bạn mình và lễ mãn khóa, đã một mình cô đơn lên trình diện Trường Võ Bị. (Cũng có thể có vài anh ở đại đội khác cùng được bổ nhiệm về Trường Võ Bị mà tôi không biết.)

Một đồng môn khác cũng đã âm thầm chia tay trong trường hợp không vui. Khi cuộc hành quân thực tập chưa kết thúc, anh được gọi tên, lên xe về trình diện Trung tá Đào Duy Ân, Tham Mưu Trường. Ngày mãn khóa, anh không có mặt. Chúng tôi rất buồn và ngạc nhiên khi biết người bạn đồng môn hiền lành, dễ mến này đã bị đưa ra đơn vị với cấp bậc binh nhì. Năm 1973, trong một lần đến QYV Nguyễn Huệ, Nha Trang thăm một sĩ quan cùng đơn vị bị thương nặng đang điều trị ở đây, bất ngờ tôi gặp lại anh, khi ấy anh là y tá với cấp bậc Hạ sĩ 1. Hai thằng nhìn nhau, bắt tay rồi ôm lấy nhau trong sự ngỡ ngàng. Anh vẫn sống độc thân trong căn phòng nhỏ thuê ở gần QYV. Buổi chiều, tôi lái xe đưa anh về căn phòng trọ này để anh thay áo quần dân sự, sau đó chúng tôi ra một cái quán bên bờ biển uống rượu tâm tình, nhưng tôi ngại không dám hỏi lý do vì sao anh bị ra trường non với cấp bậc binh nhì như thế. Ăn uống xong, thay vì về nhà, anh nhờ tôi đưa anh đến một ngôi trường gần đó. Anh dạy Anh văn cho một lớp đêm ở đây. Lúc còn trong quân trường, anh nằm giường kê bên tôi, là người gốc

Quảng Bình, một con chiên ngoan đạo, rất tư cách, vui vẻ hiền lành, mọi người đều quý mến, nên lúc anh gặp tai ương, dù không biết lý do gì, ai cũng ngạc nhiên và tội nghiệp anh.

Người tử trận đầu tiên của Trung Đội 14 chúng tôi là bạn Dương Văn Chánh. Chánh là một trong số rất ít được chọn về Binh Chung Nhảy Dù. Có lẽ vì Chánh là em vợ của Tướng Trương Quang Ân, lúc ấy đang là Trung Tá, Chiến Đoàn Trưởng Chiến Đoàn 2 ND. Chánh được bổ sung cho Tiểu Đoàn 7 ND, và bị tử thương ngay trong trận đánh đầu tiên, trận Đòng Xoài, vào cuối tháng 6.1965. Một trận chiến đẫm máu khi lần đầu tiên Cộng quân đã sử dụng một lực lượng đến cấp sư đoàn. Trước khi nhập ngũ, Chánh học ở Luật Khoa. Da đen, giọng nói khàn khàn, ít nói, trông tướng tá hơi “ngầu”, nhưng rất hiền hậu, dễ thương.



SVSQ Trường Bộ Binh Thủ Đức
(nguồn Internet)

Tôi nhớ tới Trần Công Lâm, một thằng bạn khác cùng Trung Đội 14, nó nằm giường trên, tôi giường dưới, nên hai thằng trở thành đôi bạn thân thiết nhất. Quê ở tận Nha Trang, nên những ngày cuối tuần về phép, tôi thường theo về nhà nó ở khu Bình Triệu, cùng đi chơi với cô vị hôn thê, sau này là vợ của nó. Lâm có ông anh là thượng sĩ, nhân viên Phòng Nhất của Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt đồn trú tại Nha Trang, ngay trên

quê tôi. Nó bảo đã nói chuyện với ông anh và ông cam kết là hai thằng bọn tôi sẽ được chọn về binh chủng này trước ngày mãn khóa. Thấy tôi có vẻ hoài nghi, nó bảo, dù chỉ mang cấp bậc thượng sĩ, nhưng ông anh khá thân thiết và là cánh tay mặt của ông trưởng phòng, nên chuyện chọn hai thằng về LLDB chỉ là chuyện nhỏ. Thực tình, lúc ấy bọn tôi cũng không am hiểu mấy về binh chủng này, chỉ thấy bộ đồng phục rằn ri, cái bê-rê màu xanh và huy hiệu con cọp nhảy qua cánh dù, trông rất oai phong, nên thích vậy thôi.

Gần ngày mãn khóa, tôi đã thấy trên tủ áo của nó có cả bộ quân phục và bê-rê xanh LLDB. Nhưng khi ra hội trường để được gọi về các binh chủng, cả hai thằng đều không có tên. Giờ chót chỉ còn chỗ ở các Sư Đoàn Bộ Binh. Tôi bảo nó theo tôi về Sư Đoàn 23, vì quê tôi nằm trong vùng hoạt động của đại đơn vị này. Lần này



*Huy Hiệu Sư Đoàn 23 Bộ Binh
(nguồn Internet)*

thì Lâm theo tôi, bỏ Sài Gòn ra tận núi rừng miền Trung xa tít. (Sau này nó cho biết, đúng thời gian chọn tân sĩ quan về binh chủng thì ông anh của nó chẳng may bị tai nạn phải vào quân y viện, nên hai thằng bọn tôi bị lọt sổ.) Ngoài Trần Công Lâm ra tôi còn rủ thêm Nguyễn Văn Túc. Túc không cùng Đại Đội nhưng là bạn học cùng lớp Đệ Nhất C với tôi lúc trước ở trường Võ Tánh, và trước khi vào lính hai thằng rủ nhau về quê tôi dạy ở một trường trung học tư thục đệ nhất cấp vừa mới mở, mà ông hiệu trưởng là bạn của cha tôi.

Khí ra đơn vị, cả ba thằng xin và được bổ nhậm về cùng một tiểu đoàn. Lâm về Đại Đội 1, Túc về Đại Đội 2, còn tôi

về Đại Đội 3. Khi ấy, tiểu đoàn tôi có lẽ là một tiểu đoàn đánh đấm có hạng, nên được chọn làm đơn vị lưu động, có trách nhiệm tiếp ứng cho cả Khu 23 Chiến Thuật. Vì vậy có khi buổi sáng còn ở núi rừng Quảng Đức, Lâm Đồng, buổi chiều đã có mặt ở vùng biển Tuy Hòa, Phan Thiết.

Về đơn vị đã hơn ba năm mà bọn tôi chưa hề biết hậu cứ tiểu đoàn nằm ở đâu trên Ban Mê Thuật. Thời gian ấy chiến



Hành quân thiết quân vận

trường chưa sôi động lắm, chúng tôi chỉ thường đụng độ với các đơn vị địa phương của địch. Chỉ có ở Quảng Đức và Phú Yên thỉnh thoảng có sự xuất hiện của lực lượng chính quy mới xâm nhập từ miền Bắc. Làm trung đội trưởng hơn hai năm, đánh đấm vài trận, được mấy cái huy chương, thì cả ba thăng lần lượt được lên nắm đại đội. Sau đó tôi được ông tiểu đoàn trưởng kéo về làm Ban 3, còn Lâm về làm Đại Đội Trưởng Đại Đội Chỉ Huy kiêm Trưởng ban Truyền Tin, thay cho người tiền nhiệm chuyển đi nơi khác. Lúc ấy, Lâm hiền lành như con gái, mấy lần ông tiểu đoàn trưởng bảo Lâm: “cậu ra trường hơn hai năm rồi mà trông cứ như một thư sinh, làm sao lính nó ngán được!” Có lẽ với lý do này, nên ông gửi Lâm theo học Khóa Rừng Núi Sinh Lầy rồi sau này lại học thêm khóa Viễn Thám. Riêng Túc, sau khi lên trung úy một thời gian, đang là một đại đội trưởng có hạng thì được lệnh giải ngũ vì cận thị quá nặng. Túc được nhận vào làm tại Nha Bưu Điện và được sang Singapore học một khóa khóa chuyên môn để về dạy ở Trường Bưu Điện Sài Gòn.

Một hôm, vì nóng mũi tôi cả gan dám “phản đối và lý sự về nghệ thuật lãnh đạo” với ông tân trung đoàn trưởng, khi

lần đầu tiên ông đến thăm tiểu đoàn tôi và không biết học hặc gì với ông tiểu đoàn trưởng, ông bèn quay sang sĩ và đám sĩ quan bọn tôi một trận nặng nề ngay trước mặt hàng quân. Tôi bị ông phạt bằng cách theo ông, lên trực thăng H34, về BCH Trung Đoàn “để biết thế nào là nghệ thuật lãnh đạo” (nguyên văn lời ông). Điều rất kỳ lạ và cũng là điều may mắn cho tôi, ông trung đoàn trưởng này từng làm tỉnh trưởng nhiều năm và nổi tiếng vì có bản tính đặc biệt bốc đồng mà sau này bọn tôi mới biết. Ông “chịu” những thăng nào dám cãi lại và chỉ ra cho ông điều ông làm không đúng, và không “ua” thăng nào cứ cúi đầu nghe ông chửi... bậy. Từ nạn nhân tôi bỗng trở thành thăng “em kết nghĩa” của ông. Tôi làm việc cật lực, được ông tin cậy, cho làm Trưởng Ban 3, và sau đó kiêm cả Ban 4 Trung Đoàn (thay vị tiền nhiệm, một huynh trưởng Khóa 8 TĐ, đã được giải ngũ từ lâu mà chưa có người thay thế). Lúc ấy thì Trần Công Lâm nhận lệnh theo học Khóa Căn Bản Truyền Tin tại Vũng Tàu. Nhưng chưa tới ngày mãn khóa tôi thấy Lâm đã về lại đơn vị. Trước khi trình diện ông trung đoàn trưởng, Lâm khoe “thành tích” với tôi:

- Học và làm cái nghề Truyền Tin này coi bộ nhúc đầu quá, nên tao nản, cứ dù về nhà thăm vợ và thăng cu mới sinh, nên bị ông chỉ huy trưởng Trường ký cho mười ngày trọng cấm và trả về đơn vị. Mà trình với ông trung đoàn trưởng cho tao ra tiểu đoàn khác, về lại tiểu đoàn cũ khó làm việc!.

Lâm về Tiểu Đoàn 4 làm đại đội trưởng một thời gian. Khi anh đại đội trưởng ĐĐ Trinh Sát có lệnh chuyển đi đơn vị mới, tôi tìm gặp Lâm:

- Mà có muốn về năm Đại Đội Trinh Sát không, tao sẽ “nỗ” với ông trung đoàn trưởng, vì mày có bằng RNSL và cả bằng Viễn Thám. Về Trinh Sát có cơ hội thi thố tài năng, thử lửa ra sao, để không ai còn dám gọi mày là “Lâm Con Gái” nữa!

Lâm vỗ vai tôi cười khoái chí.

Không ngờ, chỉ sau một thời gian, Trần Công Lâm trở thành một đại đội trưởng Trinh Sát lừng danh của cả Quân Đoàn. Bây giờ, chuyện xông pha trận mạc đối với Lâm còn dễ hơn chuyện dắt dào đi chơi ngoài phố. Nơi nào không giải quyết được chiến trường, Lâm tình nguyện nhảy vào, và lúc nào cũng xuống mục tiêu trước tiên với một toán Viễn Thám.

Một lần, một tiểu đoàn trực thuộc cùng chi đoàn TQV và pháo đội PB 105 ly tăng phái, di chuyển đến vùng hành quân, bị một lực lượng Cộng quân hùng hậu đào giao thông hào, nguy trang hai bên đường phục kích. Đơn vị phản công kịp thời, các sĩ quan Ky Binh dạn dày kinh nghiệm, cho thiết vận xa M 113 vừa tác xạ vừa cày nát đê bẹp các giao thông hào của địch, lực lượng Bộ Binh bung ra, vừa bảo vệ Pháo Binh vừa đánh cận chiến và tung lựu đạn xuống phòng tuyến địch, Pháo Binh hạ nòng trực xạ vào các cao điểm nghi ngờ địch tập trung. Địch chết khá nhiều, một số bị ta bắt sống, khai thác cấp thời, biết được vị trí bộ chỉ huy của địch nằm cách nơi chạm súng khoảng hơn hai cây số, và chỉ được bảo vệ bằng một đại đội với quân số chưa tới 50 người. Đại Đội Trinh Sát của Lâm đang ứng chiến bên cạnh Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn, được trực thăng Hoa Kỳ bốc thả xuống ngay sát bên hông địch, sau một tràng TOT của Pháo Binh cùng với sự yểm trợ của bốn chiếc Cobra, địch không góc đầu lên được. Với hỏa lực phi pháo và lối đánh thần tốc của Lâm, địch không kịp trở tay, cả bộ chỉ huy địch đều bị giết và một số bị bắt sống, trong đó có tên chính ủy và cả tên trung đoàn trưởng, ta tịch thu nhiều tài liệu quan trọng cùng mấy triệu đồng tiền VNCH (toàn giấy 1.000 mới toanh đựng trong các thùng gỗ), nhưng khi giao cho Ty Ngân Khố giám định, hóa ra đều là tiền giả được in từ Trung Cộng.

Một lần khác, được tin tình báo cho biết, một đơn vị địch vừa mới xâm nhập vào vùng núi giữa ranh giới ba tỉnh Lâm Đồng - Ninh Thuận - Bình Thuận, Lâm tình nguyện dắt một toán viễn thám, được cải trang thành những bộ đội mang

theo AK-47 và B-40 (chiến lợi phẩm tịch thu của địch) xâm nhập. Một tiểu đoàn được lệnh ứng chiến, cùng với Đại Đội Trinh Sát (-) của Lâm, do anh đại đội phó chỉ huy, để khi nào nhận hiệu lệnh của Lâm sẽ nhảy vào tiếp ứng. Nhưng đến khuya, Lâm cùng toán viên thám trở ra an toàn, còn bắt theo ba tên địch, trong đó có một phụ nữ. Sau khi khai thác, biết chính xác địa điểm ém quân của địch, Lâm báo về TTHQ, chúng tôi liên lạc có vấn Mỹ xin



Trục Thẳng Đổ Quân

mấy phi tuần cất cánh từ Căn cứ Cam Ranh đến đánh bom ngay khuya hôm ấy. Sau đó cũng chính Lâm, chỉ huy Đại Đội Trinh Sát nhảy vào kiểm soát chiến trường và truy kích địch. Đơn vị lại tạo thêm một chiến thắng lớn, gần cả trăm xác địch bỏ lại, rất nhiều vũ khí các loại bị ta tịch thu, trên mười tên bị thương bị ta bắt.

Lâm ngày một đam mê chiến trận. Chiến trường như là những tảng nam châm cực mạnh cuốn hút lấy Lâm. Đại đội nghỉ vài hôm là Lâm xin đi hành quân. Hành quân mà chưa đụng địch, Lâm không về và đề nghị tái tiếp tế để bóc đi nơi khác. Thuộc cấp cũng mệt vì Lâm, nhưng tất cả đều nể phục Lâm. Chính Lâm đã biến Đại Đội Trinh Sát này trở thành đơn vị thiện chiến, lừng lẫy một thời.

Khi một lực lượng chiến xa Hoa Kỳ đến hoạt động trong Mật Khu Lê Hồng Phong, một mật khu có địa thế khá rộng lớn và hiểm trở của Cộng quân tại Bình Thuận, đã xin đích

danh Đại Đội Trinh Sát của Lâm biệt phái để phối hợp, từng thiết. Vị chỉ huy lực lượng chiến xa này đã hết lòng ca ngợi Lâm và đề nghị ân thưởng huy chương Hoa Kỳ cho Lâm.

Trong hơn ba năm làm đại đội trưởng, Đại Đội Trinh Sát của Lâm đã tạo rất nhiều chiến thắng, mà tổn thất rất ít. Số vũ khí và tù binh thu bắt được còn hơn cả số lượng chiến lợi phẩm và tù binh của các tiểu đoàn trực thuộc. Lâm trở thành người hùng của Sư Đoàn, được tặng thưởng khoảng 3, 4 ADBT với ngành dương liễu và nhiều ADBT với ngôi sao vàng, bạc, 1 huy chương của Hoa Kỳ, 1 của Đại Hàn và tất nhiên có cả Chiến Thương Bội Tinh.

Qua bao nhiêu lần thoát chết trong đường tơ kẽ tóc, Lâm khoe với tôi là nhờ đạn tránh nó. Mùa Hè 1972, Lâm ra nắm Tiểu Đoàn 3/44, đơn vị đầu đòì của Lâm và tôi. Lâm đã góp rất nhiều chiến công để có được một “Kontum Hùng.”

Tháng 6/ 1973, Lâm được chọn làm “chiến sĩ xuất sắc của Quân Đoàn” để về dự tiệc khao quân trong Dinh Độc Lập nhân ngày Quân Lực 19.6, nhưng chưa đến ngày đi thì tử trận. Lâm đã hy sinh tại phía Bắc Kontum, khi cùng toán thám báo đi thám sát địa thế đóng quân trên một cao điểm. Do một thằng em vướng phải mìn Claymore của một đơn vị bạn triệt thoái trước đây, không kịp thu hồi. Thằng em thì chỉ bị thương mà ông thầy thì lãnh đủ. Cái chết thật xót xa, đáng tiếc đối với một người từng tạo nên nhiều chiến thắng lẫy lừng, và biết bao lần vào sinh ra tử như Lâm.

Ngày Lâm chết, tôi không có mặt ở đơn vị, vì đang nghỉ phép đặc biệt ở Nha Trang. Tôi ghé vào Trường Hạ Sĩ Quan Đồng Đế, tìm Nguyễn Tấn Hưng, một người bạn cùng khóa, cùng Trung Đội 14 SVSQ, rất thân thiết với Lâm và tôi, được bổ nhậm về quân trường này, và khi ấy đang là Trưởng Phòng Điều Hành. Hưng đón tôi vào văn phòng rồi đóng cửa lại. Hai thằng ôm mặt khóc.

Tôi nhớ tới một người bạn cùng khóa khác, Phù Văn Vũ, cũng về Sư Đoàn 23, cùng trung đoàn nhưng ở tiểu

đoàn khác. Tỉnh thoảng, những ngày nghỉ quân, chúng tôi gặp nhau, rủ đi uống rượu. Sau khi lên trung úy, và bị thương trong một trận đánh ở Lâm Đồng, Vũ được theo học



Hành Quân Trục Thăng Vân

một khóa CTCT ở Sài Gòn. Mãn khóa được về Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn làm Sĩ quan Tâm Lý Chiến. Vũ có nét lai Tây, cao lớn, thuộc hàng “bô” trai, tính tình vui vẻ dễ thương, nên ai cũng quý. Và cũng là một cao thủ “nhậu”. Trong những cuộc so tài uống rượu, Vũ luôn chiếm giải quán quân. Lúc ấy trong toán cô vẫn Mỹ có Thiếu Tá Davis rất chịu chơi, cung cấp đủ thứ whisky, nên rượu không bao giờ cạn.

Là dân Sài Gòn chính hiệu, gia đình mấy đời ở gần khu cầu chữ Y, thỉnh thoảng chị Vũ dắt con ra thăm và làm nhiều món ngon cho chồng đãi bạn bè. Chị vừa đẹp vừa hiền lành bất thiệp, nên ai cũng quý. Lúc ấy vợ chồng có hai đứa con, một gái một trai, khoảng 7, 8 tuổi, xinh xắn, lễ phép, dễ thương.

Lên đại úy một thời gian, Vũ xin ra tiểu đoàn để giữ chức vụ tiểu đoàn phó. Mấy tháng sau đi học Bô Binh Cao Cấp rồi thuyên chuyển về Vùng 3. Chúng tôi mất liên lạc nhau từ đó.

Sau tháng 4/ 75, khi có thông báo của Cộng sản (Ủy Ban Quân Quản Sài Gòn) kêu gọi đi “trình diện học tập cải tạo”, tôi đến địa điểm Trường Đại Học Kiến Trúc. Khi xếp hàng chờ ghi danh làm thủ tục, thấy phía đằng trước có một người chống hai cái nạng gỗ. Khi anh ta quay mặt lại, tôi nhận ra Phù Văn Vũ. Trong cảnh sa cơ cá chậu chim lồng này mà gặp được một người bạn thân thì mừng vui lắm. Hai thằng dẫn nhau phải luôn đi chung. Đặc biệt Vũ rất cần tôi phụ giúp băng bó, chữa trị vết thương. Bọn tôi bị đưa tới trại tù An Dưỡng (Biên Hòa), may mắn ở cùng một nhà, một tổ. Vết thương khá lớn ở chân phải của Vũ vẫn còn mưng mủ, tôi trở thành “y tá” riêng cho Vũ, rửa vết thương và băng bó mỗi ngày.

Theo lời Vũ kể, vào cuối tháng 3/75, lúc ấy đang làm tiểu đoàn trưởng thuộc Sư Đoàn 25 BB, Vũ bị thương nặng ở đầu gối chân phải do đạn pháo của địch. Ngày 1 tháng 5, đang điều trị ở TYV Cộng Hòa thì bị VC đuổi ra. Về nhà may mà bà xã sẵn sóc thuốc men chu đáo nên mới khá được như hôm nay.

Vì phải chống nạng, nên Vũ không phải đi lao động, (khi ấy bọn tôi phải đi tháo gỡ kềm gai và mìn trong hàng rào phi trường Biên Hòa), chỉ ở nhà quét dọn nhà ở, nhà bếp và hội trường. Không đủ thuốc men, nên vết thương kéo dài, cho mãi đến tháng 6.1976, khi lên tàu sông Hương ra Bắc, vẫn chưa lành hẳn.

Khi xuống tàu để lên bến Hải Phòng, thấy tôi đi chung và xách ba lô cho Vũ, một tên bộ đội kéo tách chúng tôi ra, giữ Vũ lại và bảo tôi phải đi xuống trước, mặc dù tôi đã năn nỉ xin được đi chung để giúp đỡ Vũ trong tình trạng vết thương chưa lành và đi đứng khó khăn, nhưng hắn không cho mà còn nạt nộ.

Tôi bị đưa về Trại 3 (Hang Dơi) nằm cực bắc Yên Bái thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn lúc ấy. Sau một thời gian, trong một lần đi xuống kho tổng trại ở Nghĩa Lộ để vác gạo về cho trại, thấy một người chống nạng, chần bầy bò bên đường, tôi

nhận ra Vũ với đôi chân thấp cao, khập khiễng. Bất ngờ gặp lại nhau, cả hai thằng đều mừng mà ứa nước mắt. Vũ cho biết đang ở Trại 8, và vì phải chống nạng nên được cho chăn bò của trại. Khi tên vệ binh thúc tôi phải đi, Vũ kịp đưa cho tôi một gói nhỏ. Tôi bỏ nhanh vào túi áo. Khi dừng lại nghỉ trưa trên ngọn đèo cao, mở ra tôi thấy một cái bánh nướng làm bằng bột sắn (khoai mì), tôi vừa ăn vừa lau nước mắt.

Trại 3 của tôi cách Trại 8 của Vũ khoảng hơn hai mươi cây số, đặc biệt phải đi qua một cái đèo rất cao. Mỗi lần đi vác gạo, bọn tù chúng tôi khốn khổ bởi cái đèo này. Không biết tên gì, nhưng bọn tôi gọi đó là “Đèo Bá Thở.” Ba tháng sau, trong chuyến đi vác gạo kế tiếp, tôi lại được gặp Vũ, lần này thì cả hai thằng mừng rỡ, nhưng đứng cách nhau khá xa, chỉ kịp gọi tên và vẫy tay chào. Rồi ba tháng sau nữa, cũng trong một chuyến đi lấy gạo, khi gần đến khu Trại 8, thấy bầy bò từ xa, tôi háo hức để được gặp lại Vũ, nhưng khi người chăn bò đưa tay chào các bạn tù, tôi ngạc nhiên vì không phải Vũ, mà lại là một người khác, khá già, râu tóc bạc phơ. Anh cho biết là Vũ đã chết trước đó hơn một tháng, do bệnh kiết lỵ mà không có thuốc chữa. Tôi bỗng thấy đau nhói trong lòng, và băng khuâng nghĩ tới vợ con Vũ, bởi lúc ngồi trên tàu Sông Hương ra Bắc, Vũ đã buồn bã nói với tôi, các con còn quá nhỏ, ngày Vũ đi vào tù, nhà không còn tiền và cũng chẳng có tài sản gì đáng giá, rồi không biết vợ con sẽ phải sống ra sao. Khi ấy tôi chỉ còn biết lấy hoàn cảnh tương tự của chính mình để an ủi Vũ.

Một hôm vào khoảng đầu năm 2007, trong một dịp sang Cali, tôi bất ngờ gặp lại một người bạn tù khá thân. Anh đang hợp tác trong tổ chức nhân đạo của cựu tù Thiếu Tá Nguyễn Đạc Thành, nhằm tìm kiếm mộ mã, hài cốt của những anh em chết ở các trại tù miền Bắc. Tôi hỏi ngay đến Phù Văn Vũ, và quá đỗi ngạc nhiên khi anh bạn cho biết đã tìm ra được mộ của Vũ và cũng đã liên lạc với vợ con Vũ để về Việt Nam bốc mộ. Anh bạn còn cho tôi xem tập hồ sơ, có cả hình ảnh của Vũ lúc còn trong quân ngũ, và hình của ngôi

mộ hoang phế trong núi rừng Việt Bắc với tấm bia xám xịt còn lờ mờ mấy chữ: *Phù Văn Vũ chết ngày 23.8.1977* (chỉ sau một năm chuyển ra Bắc). Vợ con Vũ đã may mắn được sang định cư ở Hoa Kỳ theo diện HO và đang sinh sống ở Tiểu Bang N.Carolina. Trong hồ sơ có ghi số điện thoại con trai lớn của Vũ. Tôi liên lạc hỏi thăm và nói chuyện mấy lần. Sau đó, vì chị Vũ không được khỏe, nên cháu Nguyễn Ngọc Thị Hương, cô con dâu trưởng của Vũ đã theo tổ chức này về VN phối hợp cùng cô con gái lớn của Vũ (còn ở lại VN) bốc mộ Vũ vào ngày 26.2.2007 và mang tro cốt về cải táng tại Hoa Kỳ.

Tôi nhớ tới Trần Ngọc Thăng, thằng bạn cùng Khóa 18 khác và cũng là bạn học cùng trường ở Nha Trang lúc trước. Ra trường, Thăng tình nguyện về Biệt Động Quân. Khoảng ba năm sau tôi bất ngờ gặp nó mang ba lô về trình diện trung đoàn tôi tại Sông Mao.

Đúng lúc các đơn vị đang nghỉ dưỡng quân, tôi gọi tất cả đám bạn cùng Khóa 18 về Câu Lạc Bộ đón mừng nó. Khi ấy cả bọn tôi đều đã lên trung úy, chỉ duy nhất có Thăng còn mang thiếu úy. Hỏi ra mới biết chàng ta từ quân lao mới chuyên ra Đơn Vị 2 Quản Trị và được bổ sung về đơn vị tôi. Thăng bảo, mới vừa lên làm đại đội trưởng BĐQ thì đụng độ với ông tiểu đoàn phó khi ông chửi thề và tát tai một anh chuẩn úy mới ra trường, trung đội trưởng của Thăng. Đang cãi nhau thì bất ngờ bị ông đá thúc vào ống chân thách thức, nên sẵn súng trên tay Thăng bắn một phát vào bàn chân ông. Bị 30 ngày trọng cấm và ra Tòa Án Quân Sự lãnh tám tháng tù. Không biết có phải vì lý do này mà suốt thời gian ở đơn vị, ngoài những bạn cùng khóa, Thăng không chơi với ai. Tình nguyện về làm đại đội phó Trinh Sát. Hơn một năm sau được thăng cấp trung úy, Thăng xin ra nắm đại đội ở Tiểu Đoàn 2.

Đầu năm 1973, khi đang làm tiểu đoàn phó TĐ3 cho Trần Công Lâm, Thăng được bổ nhiệm làm tiểu đoàn trưởng

TD 2/44 trong một trường hợp khá đặc biệt.

Thời gian còn làm đại đội trưởng, hành quân ở khu vực Di Linh - Đức Trọng, Thăng quen biết một nữ sinh sắc tộc Thái Trắng, khá xinh, nhưng mãi đến đầu năm 1974 hai người mới làm đám cưới và một đứa con trai ra đời trong những ngày cuối tháng Tư buồn. Trong lúc Thăng bị tù ngoài Bắc, ở nhà vợ Thăng treo cổ tự vẫn, đứa con trai được giao lại cho bà nội nuôi nấng.

Theo người nhà kể lại, khi chết, vợ Thăng mặc chiếc áo dài trắng thướt còn đi học và có để lại một lá thư, nhưng bị công an tịch thu nên không ai biết vợ Thăng đã viết những gì trong đó. Ra tù vài năm, Thăng đưa mẹ, hai cô em gái và đứa con trai vượt biển. Đến Mỹ, định cư ở San Jose, Thăng nhờ mẹ chăm sóc đứa con thơ để vừa đi làm vừa đi học. Mỗi lần nói chuyện trong điện thoại, tôi đều ca ngợi Thăng có chí, nó cười bảo: *“tao vùi đầu vào sách vở là chỉ để được quên, không muốn có chút thì giờ nào để phải hồi tưởng hay suy nghĩ điều gì”*. Cuối cùng nó cũng lấy được bằng Cao Học Tâm Lý (Master of Psychology) và tìm được việc làm lương cao, ổn định. Bạn bè ai cũng khen và mừng cho nó.

Bao nhiêu tình thương Thăng dồn hết cho mẹ và đứa con trai. Nó bảo mẹ nó đã một đời tảo tần nuôi nấng cuu mang mấy anh em nó từ lúc còn tám bé, di cư từ Bắc vào Nam năm 1954. Do lời khuyên nhủ của mẹ, Thăng tục huyền. Cô vợ nhỏ hơn nó khá nhiều tuổi, quen nhau lúc cả hai cùng là sinh viên ở một trường đại học Mỹ, cũng là ái nữ của một cựu thiếu tá ở Sư Đoàn 7 BB. Vẫn cái tính như ngày xưa, Thăng sống khép kín, ít giao tiếp với bạn bè, nhưng với vợ chồng tôi, Thăng luôn dành một tình cảm đặc biệt. Mỗi lần sang Mỹ, chúng tôi đều ghé lại thăm, và vợ chồng Thăng luôn giữ lại nhà vài hôm. Vợ Thăng cũng rất hiền lành, vui vẻ và hiếu khách. Đầu năm 2007, mẹ già ngã bệnh, vợ chồng Thăng đã hết lòng lo chữa chạy, nhưng vì tuổi già sức yếu, không chống chọi nổi bệnh tình, bà đã quy tiên. Biết Thăng rất đau lòng, từ Bắc Âu tôi bay sang với Thăng, và chạnh

lòng khi nhìn thấy Thăng tiêu tụy, chán chường. Trong dịp này, tôi lại biết thêm một nỗi buồn khác, cũng rất to lớn của Thăng. Đứa con trai duy nhất mà Thăng hết mực cưng chiều yêu quý, như muốn làm vui lòng người vợ bất hạnh ở dưới suối vàng, đã bỏ học và có con với một cô bạn gái cùng lớp trong high school, khi cả hai còn ở tuổi vị thành niên. Thăng giấu tôi chuyện này. Chỉ thỉnh thoảng than với tôi là không còn thiết tha gì nữa và hối tiếc là ngày xưa không được chết trên chiến trường. Tôi vừa an ủi vừa đùa, bảo Thăng đã học nhiều năm về Tâm Lý, sao không “lấy sở tồn ra làm sở dụng.”

Bỗng một hôm được tin Thăng chết. Chết một cách đau đớn. Thăng dối vợ, bảo đi thuê hộ khách sạn cho một người bạn từ tiểu bang khác tới. Nhưng thực ra Thăng đi thuê phòng trong một khách sạn nhỏ ở gần nhà, rồi ở đó dùng súng bắn vào đầu mình tự sát, sau khi viết mấy lá thư để lại trên bàn. Tôi nhận được lá thư Thăng viết cho tôi, do Cảnh sát giao lại. Nét chữ ngay ngắn, đẹp đẽ, chứng tỏ Thăng rất bình tĩnh trước khi tự kết liễu đời mình:

“Xin lỗi mày, tao đi trước mà không kịp chia tay với mày. Bọn mình rồi sẽ như những con chim đã đến lúc phải bay về với núi rừng thuở trước. Thôi thì tao đi trước để dọn chỗ cho bọn mày, những thằng bạn thân thiết, đã từng sống chết với nhau. Chỉ có một điều tao tiếc và ân hận là đã không được chết một cách oai hùng ở chiến trường nhưng thằng Lâm, thằng Bê, anh Tài, anh Đức...”

Đọc xong, thấy đau đớn trong lòng tựa hồ như đang có nhiều vết chém, vậy mà không



hiều vì sao tôi không khóc được.

Tháng Tư này, nhân dịp tiễn đưa đồng môn Võ Văn Khoa về miền miên viễn, nhớ tới bạn bè, bỗng tôi nghĩ thật nhiều đến ba cái chết của ba người bạn cùng khóa, cùng một đơn vị, và một thời rất thân thiết với tôi.

Ba cái chết trong ba thời điểm và hoàn cảnh khác nhau. Một thằng đánh giặc nổi danh rồi chết tại chiến trường, một thằng luôn yêu đời, vui vẻ hiền lành bị chết trong tù với đôi chân tàn phế, và một thằng từng ngang dọc một thời, sống bất cần, ba chìm bảy nổi, vượt thoát thành công, đổ đát trên xứ người, cuối cùng bắn vào đầu mình tự vẫn. Ba cái chết khác nhau, nhưng chỉ có một nguyên nhân duy nhất: hậu quả của một cuộc chiến bất hạnh, và chúng tôi lại là những chiến binh bất hạnh nhất.

Trong nỗi xót xa, tôi thầm cầu mong không còn phải chứng kiến những tranh chấp, hơn thua, xâu xé lẫn nhau giữa những người anh em từng một thời cùng xuất thân từ một mái quân trường hay cùng chiến đấu, sống chết bên nhau trên các chiến trường lửa đạn.

Chẳng lẽ cả một đời binh nghiệp, cuối cùng chúng ta chẳng còn giữ lại được điều gì, ngay cả cái tình đồng môn, huynh đệ? Tôi cũng thật đau lòng khi biết có những người đã vội quên mình từng một thời là lính, quên món nợ máu xương mà mình chưa trả được một chút gì cho đồng



đội anh em.

Tôi bỗng chạnh lòng khi nhớ tới một đoạn đã đọc được từ khá lâu trong “*Mặt Trận Miền Tây Vãn Yên Tĩnh*”, tác phẩm viết về chiến tranh nổi tiếng của nhà văn Erich Maria Remarque: “... *Rồi mọi người sẽ không hiểu được chúng tôi... Chúng tôi sẽ trở thành một thứ thừa thãi ngay cả đối với chính mình, chúng tôi sẽ ngày càng già đi, một số có thể hội nhập được với cuộc sống mới, một số khác sẽ nhẫn nhục mà sống, và hầu hết là sống trong nỗi bàng hoàng đau đớn. Ngày tháng sẽ trôi đi và cuối cùng chúng tôi sẽ rơi vào tàn lụi*”.

Không! Chúng tôi, dù là những người lính trừ bị, nhưng đã hiến cả đời mình cho quân đội, cho Tổ Quốc, luôn ngẩng cao đầu hãnh diện đã góp phần bảo vệ quê hương và phát huy giá trị tự do nhân bản. Chúng tôi đã từng sống chết hết lòng với đồng đội anh em, và chiến đấu bằng tất cả danh dự cùng cả trái tim mình.

Cuộc chiến bất hạnh khi người bạn đồng minh đành đoạn quay lưng, để phải kết thúc trong đờn đau, tức tưởi: “*phía man rợ đã thắng*”, lời của chính bà Dương Thu Hương, một nhà văn, một cán binh Cộng sản đã từng xác tín. Và một chế độ được dựng lên bởi một đảng cướp man rợ, độc tài, sống hèn mạt, phè phỡn trên nỗi thống khổ oán than của dân tộc cùng sự điêu linh của đất nước, sẽ không thể tồn tại lâu dài. Lịch sử dân tộc nhất định sẽ có ngày viết lại những chiến công vinh quang hiển hách, và cả những hy sinh, đau đớn, khổ nhục mà thế hệ chúng tôi đã từng đạt được, trải qua, trong một giai đoạn bất hạnh và đau thương nhất của dân tộc.

Phạm Tín An Ninh
(*Mùa Quốc Hận 2019*)

*Những ai đã chết vì sông núi,
sẽ sống muôn đời với núi sông*